

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TUYÊN QUANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2019/HS-PT

Ngày 22-4-2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa P1 tòa: Bà Hoàng Thị Minh Khánh

Các Thẩm phán: Ông Hà Văn Chương

Ông Lê Tuấn Tú

- Thư ký P1 tòa: Bà Nguyễn Thị Huyền Trang – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tuyên Quang tham gia P1 tòa: Bà Đỗ Thị Kim Trúc - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 4 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 09/2019/TLPT-HS ngày 07 tháng 01 năm 2019 đối với các bị cáo Phạm Thị M và Nguyễn Thị P đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 33/2018/HS-ST ngày 03 tháng 12 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Tuyên Quang.

Các bị cáo có kháng cáo:

1. Phạm Thị M; Tên gọi khác: Không; Sinh ngày: 02/02/1991;

Nơi ĐKKHKT: tổ dân phố 10, thị trấn N, huyện N, tỉnh Tuyên Quang; Nơi cư trú: thôn T, xã Y, huyện N, tỉnh Tuyên Quang; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Trình độ văn hóa (học vấn): 6/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông: Phạm Trung C (đã chết) và bà: Đào Thị K, sinh năm: 1954; Có chồng: Hoàng Huy T, sinh năm: 1985; con chưa có; Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt.

2. Nguyễn Thị P; Tên gọi khác: Không; Sinh ngày: 15/6/1982;

Nơi cư trú: thôn B, xã Y, huyện N, tỉnh Tuyên Quang; Dân tộc: Tày; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Trình độ văn hóa (học vấn): 12/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông: Nguyễn Đức V, sinh năm: 1962 và bà: Nguyễn Thị N, sinh năm: 1960; Có chồng: Lương Văn P, sinh năm: 1982 và 02 con: con lớn nhất sinh năm 2002, con nhỏ nhất sinh năm 2012; Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn: Cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt.

- Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Thị P: Ông Hoàng Văn V -Trợ giúp viên Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Tuyên Quang. Có mặt.

Ngoài ra còn có 02 bị cáo khác không có kháng cáo, 01 bị cáo khác có kháng cáo nhưng đã rút kháng cáo trước khi mở P1 tòa và không bị kháng cáo, kháng nghị.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại P1 tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 18 giờ 10 phút ngày 17/4/2018, tại thôn T, xã Y, huyện N tổ công tác Công an huyện N lập biên bản vi phạm hành chính đối với: Phạm Thị M, sinh năm: 1991, trú tại: tổ dân phố 10, thị trấn N, huyện N đang có hành vi đánh bạc trái phép bằng hình thức bán số lô, số đề cho Đinh Đức Đ, sinh năm: 2000, trú tại: thôn B, xã Y, huyện N, với tổng số tiền: 400.000đ (*Bốn trăm nghìn đồng*), thu giữ của M gồm: 02 điện thoại di động, tiền mặt 3.280.000đ và 01 tờ giấy nhớ (cáp đề).

Quá trình mở rộng điều tra xác định: Tháng 4/2018, M rủ Nguyễn Thị P, trú tại: thôn B, xã Y, huyện N; Ma Thị T, trú tại: thôn P, xã T, huyện N (thường trú tại: Đ, xã T, huyện N); Hoàng Thị P, trú tại: thôn N, xã Y, huyện N và Dương Thị X, trú tại: thôn A, xã C, huyện N làm thư ký ghi số lô, số đề (bán số lô, số đề) và chuyển bảng ghi cho M thông qua tin nhắn điện thoại để hưởng phần trăm, P, T, P1 và X đồng ý. Theo thỏa thuận P và X được hưởng mức 20%/ tổng số tiền bán số đề, lô xiên, ba càng; số lô được hưởng 1000đ/01 điểm; còn đối với Hoàng Thị P được hưởng 18% /tổng số tiền bán số đề, lô xiên, ba càng; số lô được hưởng mức 1000đ/01 điểm. M thống nhất với các thư ký sau khi nhận tin chuyển số đề, số lô đến số thuê bao di động của M, M nhận sẽ nhắn lại đã nhận 1 tin (các thư ký nhắn bao nhiêu tin nhắn, M nhận sẽ nhắn lại với số tin tương ứng); sau khi bán số lô, số đề, chuyển bảng đề cho M và có kết quả xổ số kiến thiết miền Bắc, mở thưởng vào 18 giờ 30 phút hàng ngày thì các thư ký đối chiếu với kết quả xổ số để thanh toán tiền trúng thưởng cho người mua số lô, số đề, tiền phần trăm được hưởng, số tiền còn lại chuyển trực tiếp cho M.

Các bị cáo quy ước cách thức chơi và tỷ lệ thắng thua với người mua số lô, số đề như sau:

- Số đề: Người mua chọn 01 số có 02 chữ số bất kỳ từ 00 đến 99, nếu số do người mua trùng với 02 số cuối của giải đặc biệt kết quả xổ số kiến thiết miền Bắc mở thưởng cùng ngày thì được hưởng số tiền gấp 70 lần số tiền đã bỏ ra.

- Số lô: Người mua chọn 01 số có 02 chữ số bất kỳ từ 00 đến 99 và trả tiền mua số lô tương ứng với 23.000đ/01 điểm. Nếu con số do người mua chọn trùng với 02 số cuối của bất kỳ giải nào trong kết quả xổ số kiến thiết miền Bắc mở thưởng cùng ngày thì được hưởng 80.000đ/01 điểm. Nếu số lô người mua chọn xuất hiện nhiều lần trong cơ cấu giải thưởng của kết quả xổ số kiến thiết miền Bắc thì lấy số lần xuất hiện của số lô đó nhân với 80.000đ sẽ ra số tiền trúng thưởng.

- Số lô xiên 2, xiên 3, xiên 4: Người mua chọn 01 số có 02 chữ số bất kỳ từ 00 đến 99, nếu cả hai số do người mua chọn trùng với 02 số cuối của bất kỳ giải nào trong kết quả xổ số kiến thiết miền Bắc mở thưởng cùng ngày thì được hưởng số tiền gấp 10 lần đối với số lô xiên 2, hưởng số tiền 40 lần đối với lô xiên 3, hưởng số tiền 100 lần đối với lô xiên 4.

- Ba càng: Người mua chọn 01 số có 03 chữ số bất kỳ từ 000 đến 999, nếu số do người mua chọn trùng với 03 số cuối của giải đặc biệt trong kết quả xổ số miền bắc mở thưởng cùng ngày thì được hưởng số tiền gấp 400 lần số tiền đã bỏ ra.

Sau khi bàn bạc thống nhất với Phạm Thị M, Nguyễn Thị P, Hoàng Thị P, Ma Thị T và Dương Thị X thực hiện hành vi đánh bạc dưới hình thức bán số lô, số đề từ ngày 17/4/2018, thì bị Cơ quan Công an huyện N phát hiện. Trong ngày 17/4/2018, các bị cáo đã thực hiện hành vi bán số lô, số đề cụ thể như sau:

- Đối với Nguyễn Thị P: Từ 15 giờ 52 phút đến 17 giờ 35 phút ngày 17/4/2018, P đã bán số lô, số đề cho nhiều người (không rõ họ tên, địa chỉ cụ thể) và chuyển bảng tổng hợp cho Phạm Thị M thông qua 08 tin nhắn điện thoại từ số thuê bao 01629.705.999 đến số thuê bao 0868.244.686, cụ thể: số lô 1.770 điểm lô x 23.000đ = 40.710.000đ và 3.865.000đ tiền số đề, lô xiên, ba càng, M đã nhắn tin lại nhận 08 tin. Tổng cộng là 44.575.000đ (*Bốn mươi bốn triệu năm trăm bảy mươi năm nghìn đồng*), P được hưởng lợi 2.543.000đ (*Hai triệu năm trăm bốn mươi ba nghìn đồng*). Trong số người mua số lô, P chỉ nhớ có một người đàn ông tên Hùng, làm nghề thợ xây ở thôn B, xã Y, huyện N mua 300 điểm tương ứng với số tiền 6.900.000đ (*Sáu triệu chín trăm nghìn đồng*).

Tại cơ quan điều tra P khai sau khi có kết quả xổ số miền Bắc ngày 17/4/2018, P đã tiến hành trả thưởng cho những người chơi trúng thưởng số lô, số đề số tiền 21.000.000đ (không biết họ, tên, địa chỉ những người trúng thưởng và số trúng thưởng), còn lại là 23.575.000đ P đã giao nộp cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện N.

- Đối với Hoàng Thị P: Từ 17 giờ 10 phút đến 18 giờ 02 phút ngày 17/4/2018, P1 đã bán số lô, số đề cho nhiều người (không rõ họ tên, địa chỉ) và chuyển bảng đề cho Phạm Thị M thông qua 06 tin nhắn từ số thuê bao 01648.905.638 đến số thuê bao 0868.244.686, cụ thể: 473 điểm lô x 23.000đ = 10.879.000đ và 1.520.000đ tiền số đề, lô xiên, M đã nhắn lại nhận 06 tin. Tổng cộng là 12.399.000đ (*Mười hai triệu ba trăm chín mươi chín nghìn đồng*), P1 được hưởng lợi 746.600đ (*Bảy trăm bốn mươi sáu nghìn sáu trăm đồng*). Trong số người mua số đề P1 chỉ biết bán cho Lèng Thị T, sinh năm: 1943, trú tại: thôn Phai Khăn, xã Đà Vĩ, huyện N với số tiền 40.000đ (*Bốn mươi nghìn đồng*).

Trong ngày 17/4/2018, sau khi có kết quả xổ số miền Bắc, P1 đã tiến hành trả thưởng cho những người chơi trúng thưởng số tiền 4.552.400đ (không biết họ, tên, địa chỉ những người trúng thưởng và số trúng thưởng); số tiền 746.600đ được hưởng lợi từ việc bán số đề, số lô P1 đã giao nộp cho Cơ quan Cảnh sát điều tra

Công an huyện N; còn lại số tiền 7.100.000đ P1 khai sáng ngày 18/4/2018 đã đưa cho Hoàng Huy T (chồng M), tuy nhiên tại cơ quan điều tra T không thừa nhận đã nhận số tiền này.

- Đối với Dương Thị X: Từ 17 giờ 11 phút đến 18 giờ ngày 17/4/2018 X đã bán số lô, số đề cho nhiều người (không rõ họ tên, địa chỉ) và chuyển bảng đề cho Phạm Thị M thông qua 06 tin nhắn điện thoại từ số thuê bao 01696.301.256 đến số thuê bao 0868.244.686, cụ thể: $337 \text{ điểm lô} \times 23.000\text{đ} = 7.751.000\text{đ}$ và 972.000đ tiền số đề, lô xiên, M đã nhắn lại nhận 05 tin. Tổng cộng là 8.723.000đ (*Tám triệu bảy trăm hai mươi ba nghìn đồng*), số tiền X được hưởng lợi là 531.400đ (*Năm trăm ba mươi một nghìn bốn trăm đồng*). Trong số người mua số lô trong ngày 17/4/2018 X chỉ biết Nguyễn Văn H, sinh năm: 1965 và Nguyễn Văn S, sinh năm: 1986 (đều trú cùng thôn với X), mỗi người 10 điểm lô = 230.000đ/ người. T bộ số tiền bán số lô, số đề ngày 17/4/2018, X đã giao nộp cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện N.

- Đối với Ma Thị T: Qua khai nhận của Phạm Thị M và kiểm tra danh sách tin nhắn điện thoại: từ 16 giờ 16 phút đến 18 giờ 03 phút ngày 17/4/2018, T đã chuyển bảng đề cho M thông qua 11 tin nhắn điện thoại từ số thuê bao 0963.432.382 đến số thuê bao 0868.244.686, cụ thể: $1.164 \text{ điểm lô} \times 23.000\text{đ} = 26.772.000\text{đ}$ và 2.223.000đ tiền đề và lô xiên, M đã nhắn lại nhận 10 tin. Tổng cộng T đã chuyển bảng đề cho M với số tiền 28.995.000đ (*Hai mươi tám triệu, chín trăm chín mươi năm nghìn đồng*), T được hưởng lợi số tiền 1.608.000đ (*Một triệu sáu trăm linh tám nghìn đồng*). Cơ quan điều tra đã tiến hành triệu tập và xác minh nhiều lần, nhưng T không có mặt tại địa P.

- Đối với Phạm Thị M: Từ 15 giờ 52 phút đến 18 giờ 03 phút ngày 17/4/2018, M đã có hành vi đánh bạc bằng hình thức nhận bảng ghi số lô, số đề của Nguyễn Thị P, Hoàng Thị P, Dương Thị X, Ma Thị T tổng 31 tin nhắn, gồm: $3.744 \text{ điểm lô} = 86.112.000\text{đ}$ và 8.580.000đ tiền số đề, lô xiên, ba càng, tổng cộng nhận bảng ghi số lô, số đề với số tiền: 94.692.000đ. Tuy nhiên đối với tin nhắn thứ 6 (số tiền 592.000đ) Dương Thị X gửi cho M và tin nhắn thứ 11 (số tiền 353.000đ) Ma Thị T gửi cho M vào thời điểm M đã bị tổ công tác Công an huyện N phát hiện, M chưa trả lời đã nhận nên không tính vào tổng số tiền đánh bạc của Phạm Thị M. Tổng số tiền đánh bạc quy kết đối với Phạm Thị M trong ngày 17/4/2018, sau khi trừ phần trăm cho các thư ký gồm: P, X, P1 và T, còn: 88.318.000đ và cộng với số tiền M trực tiếp bán số đề, số lô cho Đinh Đức Đ: 400.000đ. Tổng cộng là 94.147.000đ (*Chín mươi tư triệu một trăm bốn mươi bảy nghìn đồng*).

Tại cơ quan điều tra Phạm Thị M khai sau khi nhận bảng đề từ P, X, P1, T, M đã chuyển T bộ bảng ghi số lô, số đề cho Thắng (không rõ họ), trú tại tỉnh Đắk Lắk để hưởng phần trăm với mức 100 đồng/ 01 điểm lô và 28 % tổng số tiền bán số đề, lô xiên, ba càng. Từ khoảng 16 giờ 19 phút đến 18 giờ ngày 17/4/2018, M đã chuyển cho Thắng 13 tin nhắn từ số thuê bao 0868.244.686 đến số 01626.519.969, M được

hưởng phần trăm từ việc chuyển bảng ghi số đề, số lô cho Thắng là 1.127.000đ. Tại thời điểm bị Công an huyện N phát hiện, M chưa nhận được tiền từ các thư ký, chưa chuyển tiền và chưa nhận được phần trăm từ Thắng.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 33/2018/HS-ST ngày 03 tháng 12 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Tuyên Quang đã quyết định:

Tuyên bố: Các bị cáo Phạm Thị M, Nguyễn Thị P phạm tội “Đánh bạc”.

Về hình phạt chính:

- Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 321; điểm s, u khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 54 của Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Phạm Thị M 01 năm 06 tháng tù. Hạn tù tính từ ngày bị cáo vào trại giam chấp hành hình phạt tù.

- Căn cứ khoản 1 Điều 321; Điều 38; điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị P 01 năm 01 tháng tù. Hạn tù tính từ ngày bị cáo vào trại giam chấp hành hình phạt tù.

Về hình phạt bổ sung: Căn cứ khoản 3, Điều 321; khoản 2 Điều 35 của Bộ luật hình sự:

Phạt tiền 15.000.000đ đối với bị cáo Phạm Thị M.

Phạt tiền 15.000.000đ đối với bị cáo Nguyễn Thị P.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định xử phạt 02 bị cáo khác từ 08 tháng tù cho hưởng án treo đến 10 (mười) tháng tù, quyết định về hình phạt bổ sung, xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 10/12/2018, các bị cáo Phạm Thị M, Nguyễn Thị P, Hoàng Thị P có đơn kháng cáo với nội dung xin giảm nhẹ hình phạt và xin hưởng án treo.

Ngày 04/4/2019, bị cáo Hoàng Thị P có đơn xin rút T bộ nội dung đơn kháng cáo.

Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang đã ra quyết định đình chỉ việc xét xử phúc thẩm số 22/2019/HSPT-QĐ ngày 04/4/2019 đối với bị cáo Hoàng Thị P. Phần Quyết định về hình phạt đối với bị cáo Hoàng Thị P tại Bản án hình sự sơ thẩm 33/2018/HS-ST ngày 03 tháng 12 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Tuyên Quang có hiệu lực pháp luật kể từ ngày ra Quyết định đình chỉ việc xét xử phúc thẩm

Tại P1 tòa phúc thẩm, các bị cáo Phạm Thị M và Nguyễn Thị P vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin hưởng án treo.

Tại P1 tòa phúc thẩm đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tuyên Quang phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

Về thủ tục tố tụng: Đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Về kháng cáo đơn kháng cáo của các bị cáo hợp lệ, trong hạn luật định. Về nội dung Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo Nguyễn Thị P về tội Đánh bạc theo quy định tại khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự; bị cáo Phạm Thị M về tội Đánh bạc theo quy định tại khoản 2 Điều 321 của Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội, đúng với hành vi phạm tội của các bị cáo. Cấp sơ thẩm đã xem xét đầy đủ các tình tiết tăng nặng,

giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo, xử phạt bị cáo Phạm Thị M01(một) năm 06 (sáu) tháng tù, xử phạt bị cáo Nguyễn Thị P01 (một) năm 01 (một) tháng tù là phù hợp, tương xứng với tính chất, mức độ, hành vi phạm tội của các bị cáo. Tại cấp phúc thẩm, bị cáo Phạm Thị M xuất trình tình tiết mới biên lai nộp tiền phạt 2.000.000đ và 200.000đ án phí Hình sự sơ thẩm, giấy đề nghị có xác nhận của Hạt kiểm lâm rừng đặc dụng N về việc bị cáo M phát hiện, tố giác hành vi vận chuyển lâm sản trái phép làm cản cứ kháng cáo của bị cáo. Xét thấy bị cáo có nhân thân tốt nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s, u khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự đã được cấp sơ thẩm áp dụng. Nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355; điểm c khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo giảm một phần hình phạt cho bị cáo từ 01 năm 06 tháng tù xuống 01 năm 03 tháng tù. Không chấp nhận phần kháng cáo xin hưởng án treo của bị cáo Phạm Thị M.

Đối với Nguyễn Thị P tại cấp phúc thẩm xuất trình tình tiết mới: 02 báo cáo của Trạm Kiểm lâm Khu C - Hạt kiểm lâm N bị cáo có công phát hiện, tố giác hành vi vi phạm khai thác, bảo vệ rừng, Biên lai đã nộp xong tiền phạt và án phí hình sự sơ thẩm, đơn xin được cải tạo tại địa P có xác nhận của Ủy ban nhân dân xã Y, huyện N đề nghị cho bị cáo được cải tạo tại địa P, bị cáo có nhân thân tốt, phạm tội thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, bị cáo là dân tộc thiểu số sống ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, nhận thức pháp luật còn nhiều hạn chế; bị cáo có nơi cư trú rõ ràng. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355; điểm e khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự giữ nguyên hình phạt 01 năm 01 tháng tù cho bị cáo được hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách cho bị cáo là 02 năm 02 tháng. Không chấp nhận phần kháng cáo xin giảm nhẹ của bị cáo Nguyễn Thị P.

Ghi nhận bị cáo M đã nộp tiền phạt 2.000.000đ và án phí hình sự sơ thẩm là 200.000đ; Bị cáo P đã nộp tiền phạt 15.000.000đ và án phí Hình sự sơ thẩm là 200.000đ.

Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Thị P trình bày luận cứ đề nghị: Nhất trí với đề nghị của Viện kiểm sát, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự cho bị cáo được hưởng án treo.

Các bị cáo không có ý kiến tranh luận với quan điểm của Viện kiểm sát, chỉ đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt và cho các bị cáo được hưởng án treo.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại P1 toà phúc thẩm, căn cứ vào kết quả tranh luận tại P1 toà, trên cơ sở xem xét đầy đủ, T diện tài liệu, chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, các bị cáo, người bào chữa;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại P1 tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại P1 tòa phúc thẩm, bị cáo Phạm Thị M và Nguyễn Thị P tiếp tục khai nhận T bộ hành vi phạm tội của mình phù hợp lời khai của các bị cáo tại giai đoạn điều tra và phù hợp với nội dung bản án sơ thẩm đã xét xử đối với các bị cáo. Do vậy, có đủ căn cứ xác định: Ngày 17/4/2018, Nguyễn Thị P, Hoàng Thị P, Dương Thị X có hành vi đánh bạc trái phép bằng hình thức bán số lô, số đề cho người mua tại nhà riêng, với số tiền quy kết đánh bạc cụ thể như sau: Nguyễn Thị P= 44.575.000đ (*Bốn mươi bốn triệu năm trăm bảy mươi năm nghìn đồng*); Hoàng Thị P = 12.399.000đ (*Mười hai triệu ba trăm chín mươi chín nghìn đồng*), Dương Thị X = 8.723.000đ (*Tám triệu bảy trăm hai mươi ba nghìn đồng*). Sau đó P, P1, X chuyển T bộ bảng ghi số lô, số đề cho Phạm Thị M để hưởng phần trăm (P được hưởng lợi = 2.543.000 đồng; P1 được hưởng lợi = 746.600 đồng, X được hưởng lợi = 531.400 đồng); Ma Thị T tổng cộng T đã chuyển bảng đề cho M với số tiền 28.995.000đ. Tổng số tiền quy kết Phạm Thị M đánh bạc bằng hình thức nhận bảng ghi số lô, số đề từ các thư ký và trực tiếp bán số lô, số đề = 94.147.000 đồng (*Chín mươi tư triệu một trăm bốn mươi bảy nghìn đồng*).

Hành vi của các bị cáo đã phạm vào tội Đánh bạc, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 321 của Bộ luật Hình sự.

[2] Xét tính chất mức độ hành vi phạm tội, nhân thân và nội dung kháng cáo của các bị cáo, Hội đồng xét xử thấy rằng: Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trực tiếp đến trật tự, an T công cộng và gây mất trật tự trị an tại địa P. Các bị cáo đánh bạc với số tiền lớn. Bản thân các bị cáo đều là người có đủ năng lực nhận thức, biết hành vi ghi lô đề là một hình thức đánh bạc và vi phạm pháp luật nhưng vẫn thực hiện với lỗi cố ý, Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo Phạm Thị M01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù, xử phạt bị cáo Nguyễn Thị P01 (một) năm 01 (một) tháng tù là phù hợp, tương xứng với tính chất, mức độ, hành vi phạm tội của các bị cáo.

[3] Tại cấp phúc thẩm, bị cáo Phạm Thị M xuất trình tình tiết mới biên lai nộp tiền phạt 2.000.000đồng và 200.000đồng án phí hình sự sơ thẩm, giấy đề nghị có xác nhận của Hạt kiểm lâm rừng đặc dụng N về việc bị cáo M có công phát hiện, tố giác hành vi vận chuyển lâm sản trái phép làm căn cứ kháng cáo của bị cáo. Xét thấy bị cáo nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1, 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự: Bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, tại P1 tòa phúc thẩm phát sinh tình tiết mới. Nên Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355; điểm c khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo giảm một phần hình phạt cho bị cáo từ 01 năm 06 tháng tù xuống 01 năm 03 tháng tù.

Đối với Nguyễn Thị P tại cấp phúc thẩm xuất trình tình tiết mới: Báo cáo của Trạm Kiểm lâm Khu C - Hạt kiểm lâm N xác nhận bị cáo có tin báo, tố giác tội

phạm trong công tác quản lý, bảo vệ rừng, quản lý lâm sản đối với hai đối tượng; đã nộp xong tiền phạt và án phí hình sự sơ thẩm; đơn xin được cải tạo tại địa P có xác nhận của Ủy ban nhân dân xã Y, huyện N; bị cáo có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, bị cáo thành khẩn khai báo, năn năn hối cải; là dân tộc thiểu số sống ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, nhận thức pháp luật còn nhiều hạn chế; bị cáo có nơi cư trú rõ ràng. Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, điểm e khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự: Chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo giữ nguyên hình phạt 01 năm 01 tháng tù cho bị cáo được hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách cho bị cáo là 02 năm 02 tháng.

Ghi nhận bị cáo M đã nộp tiền phạt 2.000.000đ tại biên lai số 0001081 ngày 07/12/2018 và án phí hình sự sơ thẩm là 200.000đ tại biên lai số 0000762, ngày 15/3/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện N; Bị cáo P đã nộp tiền phạt 15.000.000đ và án phí hình sự sơ thẩm 200.000đ, tại biên lai số 0000767 ngày 10/4/2019 và biên lai số 0000763 ngày 15/3/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện N.

[4] Các bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: điểm b khoản 1 Điều 355; điểm c, e khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Không chấp nhận kháng cáo xin hưởng án treo của bị cáo Phạm Thị M và kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Nguyễn Thị P.

Chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo Phạm Thị M và Nguyễn Thị P, sửa một phần quyết định của bản án hình sự sơ thẩm số 33/2018/HS-ST ngày 03 tháng 12 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Tuyên Quang về hình phạt như sau:

Căn cứ: điểm b khoản 2 Điều 321; điểm s, u khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 54 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: bị cáo Phạm Thị M01 (một) năm 03 (ba) tháng tù về tội Đánh bạc. Hạn tù tính từ ngày bị cáo vào trại giam chấp hành hình phạt tù.

Căn cứ: khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị P01 (một) năm 01 (một) tháng tù cho hưởng án treo về tội Đánh bạc. Thử thách 02 năm 02 tháng, hạn thử thách tính từ ngày tuyên án phúc thẩm (22/4/2019).

Giao bị cáo Nguyễn Thị P cho Ủy ban nhân dân xã Y, huyện N, tỉnh Tuyên Quang giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

(Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật Thi hành án hình sự).

Các bị cáo Phạm Thị M và Nguyễn Thị P không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Ghi nhận bị cáo M đã nộp tiền phạt 2.000.000đ tại biên lai số 0001081 ngày 07/12/2018 và án phí Hình sự sơ thẩm là 200.000đ tại biên lai số 0000762, ngày 15/3/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện N; Bị cáo P đã nộp tiền phạt 15.000.000đ và án phí Hình sự sơ thẩm là 200.000đ, tại biên lai số 0000767 ngày 10/4/2019 và biên lai số 0000763 ngày 15/3/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện N.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (22/4/2019)/.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh T.Quang;
- Phòng PV 27 Công an tỉnh T.Quang;
- Sở Tư pháp tỉnh Tuyên Quang;
- TA + VKS + CA huyện N;
- Chi cục THADS huyện N;
- Các bị cáo;
- Người bào chữa;
- Văn phòng TAND tỉnh;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA P1 TÒA**

(Đã ký)

Hoàng Thị Minh Khánh